

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /2023/NQ-HĐND

Bạc Liêu, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; nội dung hồ trợ và mức hồ trợ từ ngân sách Nhà nước trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc thông qua dự thảo nghị quyết Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025”; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa X, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: TC; KH và ĐT; NN và PTNT; LĐ - TB và XH;
- Hội đồng dân tộc;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ, Ngành có liên quan;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP; TC; KH và ĐT; NN và PTNT; LĐ - TB và XH;
- Ban Dân tộc và Tôn giáo;
- Trung tâm CB - TH tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu (NH).

CHỦ TỊCH *Luut*



Lữ Văn Hùng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 10 /2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ thuộc các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm từ ngân sách Nhà nước thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

b) Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Thực hiện theo biểu mẫu số 01, 02 (nếu là dự án), 03 (nếu là

kế hoạch), 04, 05 quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ (*Phụ lục 01 biểu mẫu chi tiết kèm theo*).

c) Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 12 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ.

d) Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:

- Mức hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí.

+ Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 30% chi phí đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết, bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

+ Hỗ trợ khuyến nông: Nội dung hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước áp dụng theo quy định tại Điều 8 và Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

+ Hỗ trợ đào tạo: Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Hỗ trợ tập huấn: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 100% chi phí bao gồm: Hội trường, tài liệu, báo cáo viên, đi lại, tiền ăn, tiền ở, khảo sát, tham quan.

+ Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu: Hỗ trợ tối đa không quá 100% ở các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn; hỗ trợ tối đa 70% ở địa bàn bãi ngang ven biển; hỗ trợ tối đa 50% ở các địa bàn còn lại.

+ Hỗ trợ chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

+ Hỗ trợ chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 40%.

e) Phương thức hỗ trợ: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp thẩm quyền quyết định.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

a) Điều kiện hỗ trợ:

Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo đối tượng tham gia tối thiểu 50% người dân trực tiếp sản xuất và theo quy định tại điểm b, c, d, khoản 1, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

b) Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án:

Biên bản họp dân (gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã và các thành viên tổ, nhóm cộng đồng); dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất: Vận dụng theo Mẫu số 02 quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Phụ lục 02 biểu mẫu chi tiết kèm theo).

c) Lựa chọn dự án, phương án: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 22 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

d) Mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:

- Mức hỗ trợ tối đa cho một (01) phương án, mô hình sản xuất cộng đồng không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) phương án, mô hình.

- Nội dung và mức hỗ trợ:

+ Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: 100% chi phí bao gồm: Hội trường, tài liệu, báo cáo viên, đi lại, tiền ăn, tiền ở, khảo sát, tham quan.

+ Vật tư, trang thiết bị sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi: Ngân sách hỗ trợ tối đa không quá 50%. Tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/phương án, mô hình.

+ Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: Ngân sách hỗ trợ tối đa 100% chi phí tham gia hội chợ quảng bá, xúc tiến thương mại; ngân sách hỗ trợ tối đa 100% chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác và mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

e) Phương thức hỗ trợ: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của phương án, mô hình sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp thẩm quyền quyết định.

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ:

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 1, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

b) Quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 2, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

c) Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước: Thực hiện theo khoản 3, khoản 4, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 4. Nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

1. Xây dựng và thực hiện mô hình hồ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

a) Điều kiện hồ trợ dự án, kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

b) Mẫu hồ sơ dự án, kế hoạch: Áp dụng theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*Phụ lục 02 biểu mẫu chi tiết kèm theo*).

c) Lựa chọn dự án, kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Nội dung hồ trợ, mức hồ trợ từ ngân sách Nhà nước:

- Nội dung hồ trợ: Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 9 của Điều 5, Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với hồ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Nội dung hồ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Mức hồ trợ: Hồ trợ tối đa không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Mức hồ trợ thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 04 tỷ đồng.

e) Phương thức hồ trợ:

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hồ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định quy định tại khoản 6, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

2. Hồ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

a) Điều kiện hồ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 22 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

b) Mẫu hồ sơ: Biên bản họp dân (*gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã và các thành viên tổ, nhóm cộng đồng*); dự án, phương án hồ trợ phát triển sản xuất theo Mẫu số 02 quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*Phụ lục 02 biểu mẫu chi tiết kèm theo*).

c) Lựa chọn dự án, phương án: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 7 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:

- Nội dung hỗ trợ:

+ Thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7, 8 và 9 của Điều 5, Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả (theo quy định tại điểm e khoản 3, Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

+ Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao (theo quy định tại điểm g khoản 3, Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

+ Xây dựng, quản lý dự án: Chi nghiên cứu, lập dự án và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện dự án, lựa chọn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các hộ khác có nhu cầu và điều kiện để tham gia dự án; chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm. Chi các nội dung khác về quản lý dự án (nếu có) theo thực tế phát sinh (theo quy định tại điểm b khoản 4, Điều 12 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

+ Đối với hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 04 tỷ đồng.

e) Phương thức hỗ trợ: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của phương án, mô hình sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp thẩm quyền quyết định.

Điều 5. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025

1. Đối tượng, địa bàn và điều kiện hỗ trợ:

a) Đối tượng:

- Dự án, kế hoạch liên kết phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là hộ nghèo, cận nghèo, trong đó, ưu tiên các dự án, kế hoạch liên kết có trên 70% người dân tham gia là hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn khóm/ấp đặc biệt khó khăn. Ưu tiên dự án, kế hoạch liên kết do doanh nghiệp có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ, hoặc Hợp tác xã có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

- Các doanh nghiệp (*sản xuất, chế biến, kinh doanh*), Hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

b) Địa bàn thực hiện: Tại các xã, phường, thị trấn thuộc vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định sửa đổi, bổ sung (*nếu có*).

c) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 22 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất: Thực hiện theo biểu mẫu số 01; 02 (*nếu là dự án*), 03 (*nếu là kế hoạch*); 04; 05 quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ (*Phụ lục 01 biểu mẫu chi tiết kèm theo*).

3. Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 12 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ.

4. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 19 của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

b) Mức hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình.

5. Phương thức hỗ trợ:

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp thẩm quyền quyết định.

Điều 6. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025

1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

2. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 100% chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của Đài (trạm) truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện. Nội dung chi để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 về hướng dẫn nội dung số 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp ấp. Mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình.

4. Chi 100% từ ngân sách Trung ương chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

5. Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án/kế hoạch liên kết từ nguồn ngân sách Trung ương theo quy định khoản 5, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không quá 100% tổng mức vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho một (01) dự án/kế hoạch liên kết.

- Phương thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này về hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

6. Ngân sách Trung ương chi hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân cho một (01) dự án cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Chi đẩy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị:

- Chi hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến: Thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Chi thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói: Hỗ trợ tối đa 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

- Chi xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối ở các địa phương.

9. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới:

Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 20 của Thông tư 15/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11. Nội dung chi và mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

- Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao tối đa không quá:

+ Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.

+ Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp: 50 triệu đồng/thiết chế.

- Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp tối đa không quá:

+ Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách.

+ Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách.

+ Tủ sách tại Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp: 30 triệu đồng/tủ sách.

- Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, ấp và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, ấp tối đa không quá:

+ Trung tâm Văn hóa - thể thao cấp xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm.

+ Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp ấp là 30 triệu đồng/01 năm.

12. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính./.



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 01

Mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết
Mẫu số 02	Dự án liên kết
Mẫu số 03	Kế hoạch liên kết
Mẫu số 04	Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết <i>(hoặc chủ trì liên kết)</i>
Mẫu số 05	Bản cam kết đảm bảo các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**TÊN ĐỐI TƯỢNG
THAM GIA LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

..... ngày ... tháng ... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/Ban Dân tộc - Tôn Giáo tỉnh
(hoặc UBND huyện (quận).....)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....
Người đại diện theo pháp luật:
Chức vụ:.....
Giấy đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....
Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp,.....
(tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị
.....(tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết:.....
2. Địa bàn thực hiện:.....
3. Quy mô liên kết:.....
4. Tiến độ thực hiện dự kiến:.....

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:.....
 2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:.....
 3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:.....
 4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:.....
 5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhau móc sản phẩm:.....
 6. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:.....
 7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ:.....
- Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):.....

III. CAM KẾT:.....(tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):...../.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết:.....

- Người đại diện theo pháp luật:.....

- Chức vụ:.....

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:.....

- Người đại diện theo pháp luật:.....

- Chức vụ:.....

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:....., Fax:.....E-mail.....

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:.....

- Người đại diện theo pháp luật:.....

- Chức vụ:.....

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:....., Fax:.....E-mail.....

c).....

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết).....

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết).....

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:.....

2. Quy mô liên kết:.....

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:.....

4. Hình thức liên kết:.....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:.....

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...).....

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...).....

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông...)

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,.....).....

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,.....).....

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ

thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ.....

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):.....

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):.....

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung tu đấi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết).

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Chủ trì liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại:, Fax: Email:
2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)
 - a) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:, Fax: Email:
 - b) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:, Fax: Email:
 - c)
3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)
4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết
5. Địa điểm thực hiện liên kết:

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
- Quy mô liên kết:
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

- Hình thức liên kết:
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.
- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.
- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.
- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày tháng năm, tại..... chúng
tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại:, Fax: Email:
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:
3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết:..... đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết).....

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận.....

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,
an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi:
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Mã số thuế:

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt Lâm nghiệp Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản Khai thác, sản xuất muối

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 02

**Mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị
đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

*(Kèm theo Nghị quyết số 10 /2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Mẫu số 01	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị
Mẫu số 02	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mẫu số 01. Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT
DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN

1. Tên đơn vị đề xuất dự án (gồm: tên, địa chỉ, người đại diện, số CCCD hoặc CMND, số điện thoại liên lạc).
 2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):
.....
 3. Đối tượng tham gia:
 4. Thời gian triển khai:
 5. Địa bàn thực hiện:
 6. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách Nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách):
 7. Nội dung:
 8. Mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:
 9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết:
 10. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):
 11. Tổ chức thực hiện dự án:
 12. Các nội dung liên quan khác
- (Có kèm bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị đề xuất dự án).

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

TÊN DỰ ÁN

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):
.....

3. Đối tượng tham gia:

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn thực hiện:

6. Các hoạt động của dự án:

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách Nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)):

8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):

11. Tổ chức thực hiện dự án:

12. Các nội dung liên quan khác

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(ký, ghi rõ họ tên)